

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và
kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2
(Khu 1, diện tích 175,52ha) - Đợt 2 (Đất công cộng).**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÁCH QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở,
Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy
định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân
quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Bộ nông
nghiệp và Môi trường về việc đình chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày
12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền
địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một
số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy
định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của của
Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ
chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 10/2026/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của UBND tỉnh
Thái Nguyên ban hành hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường về đất
khi Nhà nước thu hồi đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong một số trường hợp
áp dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Thái
Nguyên về việc áp dụng trình tự, thủ tục hành chính; ủy quyền thực hiện một số nội
dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quy định tại Nghị định số 49/2026/NĐ-CP
ngày 31/01/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 3423/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Sông Công;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất và mức bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2994/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2;

Căn cứ Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Sông Công II, thành phố Sông Công;

Xét đề nghị của Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường Bách Quang tại Tờ trình số 437/TTr-XDNN&MT ngày 31 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi diện tích 75.733,2 m² đất công cộng do UBND phường quản lý:

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

* Lý do thu hồi đất để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2 (Khu 1, diện tích 175,52ha)-Đợt 2 (Đất công cộng);

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường Bách Quang có trách nhiệm niêm yết Quyết định này tại trụ sở UBND phường Bách Quang và tại nhà văn hoá của TDP trong phạm vi thu hồi đất.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II có trách nhiệm phối hợp với phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường Bách Quang trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Văn phòng HĐND - UBND phường Bách Quang có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của UBND phường Bách Quang.

3. Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II trách nhiệm quản lý quỹ đất đã thu hồi, phối hợp với phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường Bách Quang, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực III thực hiện thủ tục đất đai theo quy định.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng HĐND-UBND phường, Thủ trưởng các cơ quan: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực III, Công ty cổ phần Viglacera Thái Nguyên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND phường;
 - Như Điều 4;
 - Lưu: VT, XDNN&MT.(15b).
- Hoangnm



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Dũng

PHỤ LỤC CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định số: **1599** /QĐ-UBND ngày **03** tháng **8** năm 2026 của UBND phường Bách Quang)

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chủ thường trú	Tờ bản đồ trích lục	Thửa số trích lục	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Tính pháp lý của thửa đất
1	UBND phường Bách Quang	phường Bách Quang	72	4	245,7	DGT	Đất do UBND phường Bách Quang quản lý
2			72	6	177,7	DGT	
3			72	21	1579,7	DTL	
4			72	39	335,4	DGT	
5			72	43	43,3	BCS	
6			72	57	112,1	BCS	
7			72	61	66,4	DTL	
8			72	77	981,8	SON	
9			72	91	1068,9	DGT	
10			72	116	5,3	DTL	
11			73	1	355,4	DGT	
12			73	28	1818,6	DTL	
13			73	32	15,8	BCS	
14			73	38	65,2	BCS	
15			73	67	10,4	DGT	
16			73	71	69,8	DGT	
17			73	77	24,4	DGT	
18			73	81	511,2	BCS	
19			73	85	249,6	BCS	
20			73	87	304,8	DTL	
21			73	91	801,6	BCS	
22			73	92	225,2	BCS	
23			73	107	141,8	BCS	
24			73	111	52,4	DTL	
25			73	115	778,6	DGT	
26			73	115	269,9	DGT	
27			73	120	486,9	DTL	
28			73	120	512,3	DTL	
29			73	121	972,4	DGT	

gđuon

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chủ thường trú	Tờ bản đồ trích lục	Thửa số trích lục	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Tính pháp lý của thửa đất
30	UBND phường Bách Quang	phường Bách Quang	73	123	251,2	BCS	Đất do UBND phường Bách Quang quản lý
31			73	125	640,6	BCS	
32			73	131	606,2	DGT	
33			73	132	510,8	DTL	
34			73	144	13	BCS	
35			73	155	107,8	DNL	
36			73	156	389,3	BCS	
37			74	14	149,9	DTL	
38			74	36	202,7	DTL	
39			74	41	22,7	DGT	
40			74	50	1703,4	DGT	
41			74	54	225,7	DTL	
42			74	87	432,7	BCS	
43			74	91	132,5	DTL	
44			76	7	330,2	BCS	
45			76	14	83,7	DTL	
46			76	24	470	DGT	
47			76	29	262,2	DTL	
48			76	49	129,2	DTL	
49			76	69	64,8	DGT	
50			77	10	235,6	BCS	
51			77	13	286,9	DTL	
52			77	14	149,3	DTL	
53			77	33	10	DTL	
54			77	42	75,5	BCS	
55			77	44	11,1	DGT	
56			77	48	18,5	DGT	
57			77	50	528,2	BCS	
58			77	62	43,6	DTL	
59			77	75	1335,8	DTL	
60			77	76	71,6	DTL	
61			77	80	417	DTL	

gheon

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chủ thường trú	Tờ bản đồ trích lục	Thửa số trích lục	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Tính pháp lý của thửa đất
62	UBND phường Bách Quang	phường Bách Quang	77	81	114	BCS	Đất do UBND phường Bách Quang quản lý
63			77	118	183,9	BCS	
64			77	125	20,5	DGT	
65			77	131	934,2	DGT	
66			77	131	6356,3	DGT	
67			77	152	67,9	DTL	
68			77	163	72,6	BCS	
69			77	180	57,7	BCS	
70			77	185	947,8	DTL	
71			77	186	80,7	DTL	
72			77	197	107,9	DTL	
73			77	232	102,7	BCS	
74			77	237	1107,7	DGT	
75			77	244	30,8	BCS	
76			77	245	250,6	DTL	
77			77	249	101	DTL	
78			77	251	506,2	BCS	
79			78	8	764,8	BCS	
80			78	11	129,2	DTL	
81			78	12	37,6	BCS	
82			78	25	193,9	DTL	
83			78	58	70,5	DTL	
84			78	128	3319,9	DGT	
85			78	128	270,2	DGT	
86			78	128	559,2	DGT	
87			78	128	101	DGT	
88			78	128	824,3	DGT	
89			78	235	6497	NTD	
90			78	243	243,5	NTD	
91			78	258	61,5	BCS	
92			78	270	2129,1	NTD	
93			78	272	477,9	DTL	
94			78	283	446,4	DTL	

gheun

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chủ thường trú	Tờ bản đồ trích lục	Thửa số trích lục	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Tính pháp lý của thửa đất
95	UBND phường Bách Quang	phường Bách Quang	78	315	30,7	BCS	Đất do UBND phường Bách Quang quản lý
96			78	428	205,4	DNL	
97			79	95	113,4	DGT	
98			79	185	4,8	NTD	
99			83	2	15,3	DTL	
100			83	11	243,7	BCS	
101			83	12	317,2	DTL	
102			83	13	663,8	DGT	
103			83	13	1574,7	DGT	
104			83	14	25,9	BCS	
105			83	29	258,6	DGT	
106			83	29	262,0	DGT	
107			83	35	291,1	DTL	
108			83	49	218	DGT	
109			83	69	23,7	DTL	
110			83	73	758,6	DGT	
111			83	75	167,2	DTL	
112			83	79	79,8	DTL	
113			83	81	22,9	DGT	
114			83	82	40,8	DTL	
115			83	83	79,9	DTL	
116			84	13	940,7	DGT	
117			84	13	242,8	DGT	
118			84	13	666,3	DGT	
119			84	24	88,9	BCS	
120			84	38	203,1	DTL	
121			84	58	302,8	DTL	
122			84	100	78,9	BCS	
123			84	110	99,8	DTL	
124			84	110	702,3	DTL	
125			84	139	36,1	BCS	
126			84	142	11,3	BCS	
127			84	145	869,2	DGT	

Chuan

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chủ thường trú	Tờ bản đồ trích lục	Thửa số trích lục	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Tính pháp lý của thửa đất
128	UBND phường Bách Quang	phường Bách Quang	84	145	2942,4	DGT	Đất do UBND phường Bách Quang quản lý
129			84	145	109,7	DGT	
130			84	145	1310,1	DGT	
131			84	161	159,3	BCS	
132			84	163	21,7	DGT	
133			84	169	183	BCS	
134			84	171	168,3	BCS	
135			84	192	155,6	DTL	
136			84	213	105,2	DGT	
137			84	220	40,7	BCS	
138			84	225	243,9	DTL	
139			84	229	16,1	BCS	
140			84	295	13,9	BCS	
141			84	296	116,3	DTL	
142			84	297	174,8	BCS	
143			84	303	108,6	DTL	
144			84	321	53,4	DTL	
145			84	322	134,2	DTL	
146			84	323	27,5	DTL	
147			84	324	48,8	DTL	
148			85	4	12,5	DGT	
149			85	104	5171,9	DSH	
150			85	176	3105,7	DGT	
151			85	181	59,7	DTL	
152			85	183	47,7	DGT	
153			85	212	83,4	DTL	
154			85	236	69,7	DGT	
155			85	242	115,4	DGT	
156			85	244	119,8	DTL	
157			85	260	241,3	DTL	
158			85	276	1,4	BCS	
159			85	289	151,7	DTL	
160			85	303	51,1	DTL	

Thư

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chủ thường trú	Tờ bản đồ trích lục	Thửa số trích lục	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Tính pháp lý của thửa đất
161	UBND phường Bách Quang	phường Bách Quang	85	305	23,7	DTL	Đất do UBND phường Bách Quang quản lý
162			92	3	299,2	DGT	
163			92	12	17,8	BCS	
164			92	19	132,3	BCS	
165			92	24	203,8	DGT	
166			92	28	114	DTL	
167			92	38	436,4	DTL	
168			92	54	9,6	DGT	
169			92	176	69,1	DTL	
170			92	900	60	DGT	
Tổng cộng					75.733,2		

ghuon